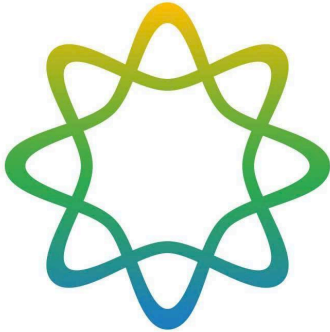


**IELTS Listening**

Cambridge 15 | Test 1 - Part 1

## Bankside Recruitment Agency

### Bài nghe



**Bankside Recruitment Agency | Audio**

[Click to play](#)

The image shows a central logo consisting of a multi-pointed star shape formed by overlapping, colorful lines in shades of yellow, green, and blue. This logo is enclosed within a light purple rectangular frame. Below the frame, the text 'Bankside Recruitment Agency | Audio' is displayed in a bold, dark purple font, followed by a blue underlined link that says 'Click to play'. The entire graphic is set against a white background with faint, larger-scale versions of the logo's colors (green and blue) visible behind it.

# Câu hỏi

## Questions 1-10

Complete the notes below.

Write ONE WORD AND/OR A NUMBER for each answer.

### Bankside Recruitment Agency

- **Address of agency:** 497 Eastside, Docklands
- **Name of agent:** Becky (1.....)
- **Phone number:** 07866 510333
- **Best to call her in the** (2.....)

### Typical jobs

- Clerical and admin roles, mainly in the finance industry
- Must have good (3.....) skills
- Jobs are usually for at least one (4.....)
- Pay is usually (5 £.....) per hour

### Registration process

- Wear a (6.....) to the interview
- Must bring your (7.....) to the interview
- They will ask questions about each applicant's (8.....)

### Advantages of using an agency

- The (9.....) you receive at the interview will benefit you
- Will get access to vacancies that are not advertised
- Less (10.....) is involved in applying for jobs

# Đáp án

Bảng tổng hợp nhanh đáp án bài nghe Bankside Recruitment Agency

1. Jamieson	2. afternoon	3. communication
4. week	5. 10/ten	6. suit
7. passport	8. personality	9. feedback
10. time		

## Questions 1

Questions 1	Đáp án
Name of agent: Becky (1.....)	Jamieson

Đáp án và đề bài Question 1

**Giải thích chi tiết:** Đây là dạng bài điền tên riêng thông qua việc đánh vần từng chữ cái. Khi William nhắc đến tên Becky, bạn cần tập trung lắng nghe phần đánh vần "J-A-M-I-E-S-O-N" để ghi lại chính xác họ của nhân viên này.

- **Từ khóa:** agent, Becky.
- **Loại từ cần điền:** Danh từ (Số nhà và tên đường cụ thể).
- **Trích đoạn hội thoại:**
  - William: "The agent I always deal with is called Becky Jamieson".
  - William: "Jamieson J-A-M-I-E-S-O-N".

## Questions 2

Questions 2	Đáp án
Best to call her in the (2.....)	afternoon

Đáp án và đề bài Question 2

**Giải thích chi tiết:** William đưa ra lời khuyên không nên gọi vào buổi sáng vì Becky rất bận rộn xử lý các vị trí trống đột xuất. Do đó, thời điểm thích hợp nhất được gợi ý để thực hiện cuộc gọi chính là buổi chiều (afternoon).

**Loại từ cần điền:** Danh từ (Chỉ thời gian).

- **Từ khóa:** call, best time.
- **Phân tích loại từ:** Danh từ (Chỉ buổi trong ngày, đứng sau giới từ in the).
- **Trích đoạn hội thoại:** I wouldn't call her until the afternoon if I were you - she's always really busy in the morning trying to fill last-minute vacancies.

### Questions 3

Questions 3	Đáp án
Must have good (3.....) skills	communication

*Đáp án và đề bài Question 3*

**Giải thích chi tiết:** William trực tiếp bác bỏ tầm quan trọng của business skills và khẳng định kỹ năng giao tiếp mới là yếu tố then chốt. Vì vậy, communication là từ khóa chính xác cần điền để hoàn thiện yêu cầu về kỹ năng bắt buộc phải có.

- **Từ khóa:** Must have, good, skills.
- **Phân tích loại từ:** Danh từ (đứng trước skills để tạo thành cụm danh từ ghép hoặc bổ nghĩa cho kỹ năng).
- **Trích đoạn hội thoại:** ...what's important for that kind of job isn't so much having business skills... It's communication that really matters - so you'd be fine there.

### Questions 4

Questions 4	Đáp án
Jobs are usually for at least one (4.....)	week

*Đáp án và đề bài Question 4*

**Giải thích chi tiết:** Dù Amber mong muốn một công việc kéo dài ít nhất một tháng, nhưng William đính chính rằng thực tế các công việc thường bắt đầu trong khoảng một tuần. Cụm từ more likely (nhiều khả năng) và at first trong bài nghe tương ứng với tính chất usually trong câu hỏi.

- **Từ khóa:** usually, at least one.
- **Phân tích loại từ:** Danh từ (Chỉ đơn vị thời gian, đứng sau số đếm one).
- **Trích đoạn hội thoại:** But you're more likely to be offered something for a week at first, which might get extended. It's unusual to be sent somewhere for just a day or two.

## Questions 5

Questions 5	Đáp án
Pay is usually (5 £.....) per hour	10/ten

*Đáp án và đề bài Question 5*

**Giải thích chi tiết:** William cung cấp mức lương phổ biến là 10 bảng, còn 11 bảng chỉ dành cho trường hợp may mắn nên không đại diện cho mức trung bình. Con số 8 và 9 bảng cũng xuất hiện nhưng đó chỉ là mức kỳ vọng thấp của Amber, không phải thực tế.

- **Từ khóa:** pay, per hour.
- **Phân tích loại từ:** Số từ (Chỉ mức lương cụ thể)
- **Trích đoạn hội thoại:** The hourly rate is about £10, 11 if you're lucky.

## Questions 6

Questions 6	Đáp án
Wear a (6.....) to the interview	suit

*Đáp án và đề bài Question 6*

**Giải thích chi tiết:** Amber xác định cần mặc đồ công sở lịch sự và quyết định sẽ mượn một bộ **suit** từ mẹ mình. William tán thành ý kiến này, khẳng định đây là trang phục phù hợp nhất cho buổi phỏng vấn tại đại lý.

- **Từ khóa:** Wear, interview.
- **Phân tích loại từ:** Danh từ số ít (đứng sau mạo từ a)
- **Trích đoạn hội thoại:** I suppose I should dress smartly if it's for office work - I can probably borrow a suit from Mum.

## Questions 7

Questions 7	Đáp án
Must bring your (7.....) to the interview	passport

*Đáp án và đề bài Question 7*

**Giải thích chi tiết:** Amber phân vân giữa việc mang chứng chỉ học tập hay hộ chiếu. William khẳng định họ chắc chắn muốn xem hộ chiếu của cô, trong khi chứng chỉ thì không cần thiết, vì vậy passport là vật dụng bắt buộc phải mang theo.

- **Từ khóa:** bring, interview.
- **Phân tích loại từ:** Danh từ (Chỉ một loại giấy tờ tùy thân)
- **Trích đoạn hội thoại:** Amber: "What about my passport?", William: "Oh yes, they'll definitely want to see that."

**Questions 8**

Questions 8	Đáp án
They will ask questions about each applicant's (8.....)	personality

*Đáp án và đề bài Question 8*

**Giải thích chi tiết:** William giải thích rằng phía công ty sẽ đặt các câu hỏi liên quan đến tính cách để xem ứng viên có phù hợp với môi trường văn phòng hay không. Do đó, personality là nội dung chính mà các câu hỏi phỏng vấn sẽ xoay quanh.

- **Từ khóa:** questions, applicant.
- **Phân tích loại từ:** Danh từ (Chỉ một khía cạnh cá nhân của ứng viên)
- **Trích đoạn hội thoại:** I wouldn't get stressed about the interview though. It's just a chance for them to build a relationship with you - so they can try and match you to a job which you'll like. So there are questions about personality that they always ask candidates - fairly basic ones. And they probably won't ask anything too difficult like what your plans are for the future.

**Questions 9**

Questions 9	Đáp án

The (9.....) you receive at the interview will benefit you	feedback
--	----------

*Đáp án và đề bài Question 9*

**Giải thích chi tiết:** William nhấn mạnh rằng buổi phỏng vấn rất có ích vì Amber sẽ nhận được những lời nhận xét về phần thể hiện của mình. Những ý kiến phản hồi này chính là lợi ích giúp cô cải thiện kỹ năng cho những lần sau.

- **Từ khóa:** receive, benefit, interview.
- **Phân tích loại từ:** Danh từ
- **Trích đoạn hội thoại:** Anyway, there are lots of benefits to using an agency - for example, the interview will be useful because they'll give you feedback on your performance so you can improve next time.

**Questions 10**

Questions 10	Đáp án
Less (10.....) is involved in applying for jobs	time

*Đáp án và đề bài Question 10*

**Giải thích chi tiết:** William so sánh việc tìm việc qua trung gian với cách nộp đơn truyền thống và khẳng định phương thức này giúp tiết kiệm thời gian hơn. Vì vậy, time là yếu tố được cắt giảm mà người học cần điền vào chỗ trống.

- **Từ khóa:** less, involved, applying.
- **Phân tích loại từ:** Danh từ (đứng sau từ chỉ lượng less)
- **Trích đoạn hội thoại:** And I expect finding a temporary job this way takes a lot less time - it's much easier than ringing up individual companies.

## Transcript và dịch nghĩa

Lượt hội thoại	Transcript	Dịch nghĩa
Amber	Hello William.	Chào William.
Amber	This is Amber - you said to phone if I wanted to get more information about the job agency you mentioned.	Mình là Amber đây - cậu bảo mình hãy gọi nếu muốn biết thêm thông tin về công ty môi giới việc làm mà cậu đã nhắc tới.
Amber	Is now a good time?	Bây giờ có tiện nói chuyện không?
William	Oh, hi Amber.	Ồ, chào Amber.
William	Yes. Fine.	Được chứ.
William	So the agency I was talking about is called Bankside - they're based in Docklands - I can tell you the address now - 497 Eastside.	Công ty mà mình đã nói tên là Bankside - văn phòng của họ ở khu Docklands - mình có thể đọc địa chỉ cho cậu ngay bây giờ - số 497 đường Eastside.
Amber	OK, thanks.	Được rồi, cảm ơn nhé.
Amber	So is there anyone in particular I should speak to there?	Thế ở đó có ai cụ thể mà mình nên liên hệ không?
William	The agent I always deal with is called Becky Jamieson.	Nhân viên mà mình hay làm việc cùng tên là Becky Jamieson.
Amber	Let me write that down - Becky ...	Để mình ghi lại đã - Becky ...
William	Jamieson J-A-M-I-E-S-O-N.	Jamieson, đánh vần là J-A-M-I-E-S-O-N.
AMBER	Do you have her direct line?	Cậu có số điện thoại trực tiếp của cô ấy không?
William	Yes, it's in my contacts somewhere - right, here we are: 078 double 6, 510 triple 3.	Có, để trong danh bạ đâu đó - đây rồi: 07866 510333.
William	I wouldn't call her until the afternoon if I were you - she's always really busy in the morning trying to fill last-minute vacancies.	Nếu mình là cậu, mình sẽ không gọi cho cô ấy trước buổi chiều đâu - cô ấy luôn rất bận vào buổi sáng để giải quyết các vị trí còn trống đột xuất.

William	She's really helpful and friendly so I'm sure it would be worth getting in touch with her for an informal chat.	Cô ấy rất nhiệt tình và thân thiện nên mình tin là rất đáng để liên hệ và trao đổi sơ bộ với cô ấy.
Amber	It's mainly clerical and admin jobs they deal with, isn't it?	Họ chủ yếu xử lý các công việc văn phòng và hành chính đúng không?
William	That's right.	Đúng vậy.
William	I know you're hoping to find a full-time job in the media eventually - but Becky mostly recruits temporary staff for the finance sector - which will look good on your CV - and generally pays better too.	Mình biết cuối cùng cậu vẫn mong tìm được một việc toàn thời gian trong ngành truyền thông - nhưng Becky chủ yếu tuyển nhân viên thời vụ cho lĩnh vực tài chính - điều này sẽ giúp làm đẹp CV của cậu và lương thường cũng cao hơn.
Amber	Yeah - I'm just a bit worried because I don't have much office experience.	Ừm - mình chỉ hơi lo vì chưa có nhiều kinh nghiệm làm văn phòng.
William	I wouldn't worry.	Đừng lo quá.
William	They'll probably start you as a receptionist, or something like that.	Họ có thể bắt đầu giao cho cậu vị trí lễ tân hoặc việc gì đó tương tự.
William	So what's important for that kind of job isn't so much having business skills or knowing lots of different computer systems - it's communication that really matters - so you'd be fine there.	Điều quan trọng cho loại công việc đó không phải là kỹ năng kinh doanh hay biết quá nhiều hệ thống máy tính - kỹ năng giao tiếp mới thực sự quan trọng - nên cậu sẽ ổn thôi.
William	And you'll pick up office skills really quickly on the job.	Và cậu sẽ học được các kỹ năng văn phòng rất nhanh khi làm việc.
William	It's not that complicated.	Mọi thứ không phức tạp lắm đâu.
Amber	OK good.	Được rồi, tốt quá.
Amber	So how long do people generally need temporary staff for?	Thế thường người ta cần nhân viên thời vụ trong bao lâu?
Amber	It would be great if I could get something lasting at least a month.	Nếu mình tìm được việc gì đó kéo dài ít nhất một tháng thì tuyệt.
William	That shouldn't be too difficult.	Việc đó chắc không quá khó đâu.

William	But you're more likely to be offered something for a week at first, which might get extended.	Nhưng ban đầu cậu thường được đề nghị làm trong một tuần, sau đó có thể được gia hạn.
William	It's unusual to be sent somewhere for just a day or two.	Hiếm khi họ cử người đi làm chỉ trong một hoặc hai ngày.
Amber	Right, I've heard the pay isn't too bad - better than working in a shop or a restaurant.	Đúng rồi, mình nghe nói lương cũng không tệ - tốt hơn làm việc ở cửa hàng hay nhà hàng.
William	Oh yes - definitely.	Ồ đúng vậy - chắc chắn rồi.
William	The hourly rate is about £10, 11 if you're lucky.	Mức lương mỗi giờ khoảng 10 bảng, nếu may mắn thì được 11 bảng.
Amber	That's pretty good.	Khá tốt đấy.
Amber	I was only expecting to get eight or nine pounds an hour.	Mình chỉ mong được khoảng tám hoặc chín bảng một giờ thôi.
William	Do you want me to tell you anything about the registration process?	Cậu có muốn mình kể cho nghe về quy trình đăng ký không?
Amber	Yes, please.	Có chứ, làm ơn.
Amber	I know you have to have an interview.	Mình biết là phải qua phỏng vấn nữa.
William	The interview usually takes about an hour and you should arrange that about a week in advance.	Buổi phỏng vấn thường kéo dài khoảng một tiếng và cậu nên sắp xếp trước khoảng một tuần.
Amber	I suppose I should dress smartly if it's for office work - I can probably borrow a suit from Mum.	Mình nghĩ mình nên mặc lịch sự nếu làm việc văn phòng - chắc mình có thể mượn mẹ một bộ vest.
William	Good idea.	Ý hay đấy.
William	It's better to look too smart than too casual.	Thà mặc quá trang trọng còn hơn là quá xuề xòa.
Amber	Will I need to bring copies of my exam certificates or anything like that?	Mình có cần mang theo bản sao bằng cấp hay gì tương tự không?
William	No - they don't need to see those, I don't think.	Không - mình nghĩ họ không cần xem những thứ đó đâu.

Amber	What about my passport?	Thế còn hộ chiếu thì sao?
William	Oh yes - they will ask to see that.	Ồ có chứ - họ sẽ yêu cầu xem giấy tờ đó đấy.
Amber	OK.	Được rồi.
William	I wouldn't get stressed about the interview though.	Dù vậy cậu đừng quá căng thẳng về buổi phỏng vấn.
William	It's just a chance for them to build a relationship with you - so they can try and match you to a job which you'll like.	Đó chỉ là cơ hội để họ tìm hiểu cậu - để họ có thể khớp cậu với một công việc mà cậu sẽ thích.
William	So there are questions about personality that they always ask candidates - fairly basic ones.	Vì thế họ luôn hỏi các ứng viên về tính cách - những câu khá cơ bản thôi.
William	And they probably won't ask anything too difficult like what your plans are for the future.	Và có lẽ họ sẽ không hỏi gì quá khó kiểu như kế hoạch tương lai của cậu là gì đâu.
Amber	Hope not.	Hy vọng là thế.
William	Anyway, there are lots of benefits to using an agency - for example, the interview will be useful because they'll give you feedback on your performance so you can improve next time.	Dù sao thì việc sử dụng công ty môi giới cũng có nhiều lợi ích - ví dụ, buổi phỏng vấn sẽ rất hữu ích vì họ sẽ đưa ra nhận xét về phần thể hiện của cậu để cậu có thể tiến bộ hơn lần sau.
Amber	And they'll have access to jobs which aren't advertised.	Và họ có thể tiếp cận được những công việc không được quảng cáo công khai nữa.
Amber	And I expect finding a temporary job this way takes a lot less time - it's much easier than ringing up individual companies.	Và mình đoán tìm việc thời vụ theo cách này sẽ tiết kiệm thời gian hơn nhiều - dễ hơn nhiều so với việc tự gọi cho từng công ty riêng lẻ.
William	Yes indeed.	Đúng vậy.
William	Well I think ...	Chà, mình nghĩ là...